

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 30/2022/DS-ST
Ngày 30/9/2022
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Thoại

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Tấn Lãm

Ông Vũ Tiến Thả

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:
Ông Dương Xuân Chính - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2021/TLST - DS ngày 09 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Mai P, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (có mặt).

Bị đơn: Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1973 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn A, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; (bà L có mặt, ông P có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 10 năm 2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Mai P trình bày:

Ngày 30/4/2021, bà Dương Mai P có cho vợ chồng ông Hoàng Văn P và bà Phạm Thị L vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay là 1 năm, lãi suất thỏa thuận là 0,1%/tháng, tiền lãi trả hàng tháng. Khi vay tiền, bà P và ông P, bà L có làm giấy vay tiền viết tay đề là “Giấy cầm vườn”. Trong đó, thể hiện tài sản cầm cố là diện tích đất tại Thôn A, xã Đ, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, đất do nhà nước cấp cho gia đình ông P, bà L. Ông P, bà L cam kết trong thời gian cầm cố sẽ không mua bán, cầm cố diện tích đất nêu trên cho ai.

Trong thời gian từ ngày 30/4/2021 đến 30/9/2021, tiền lãi theo thỏa thuận là 24.000.000 đồng. Ông P, bà L chỉ trả cho bà P 03 lần, cụ thể như sau: Tháng 5/2021, trả 3.000.000 đồng; tháng 6/2021, trả 3.000.000 đồng; tháng 9/2021, trả 5.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền lãi đã trả là 11.000.000 đồng, còn nợ 13.000.000 đồng tiền lãi. Bà P đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu ông P, bà L trả lãi nhưng ông P, bà L vẫn không trả tiền lãi cho bà P theo như thỏa thuận. Đồng thời, gia đình ông P, bà L có ý định bán diện tích đất đã cầm cố cho ông Phan Quang T.

Do đó, bà Dương Mai P khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Hoàng Văn P và bà Phạm Thị L có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền gốc đã vay là 400.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận.

-Bị đơn ông Hoàng Văn P và bà Phạm Thị L trình bày:

Ông Hoàng Văn P và bà Phạm Thị L có vay tiền của bà Dương Mai P nhiều lần từ năm 2011. Số tiền vay cụ thể ông P, bà L không nhớ được vì vay rất nhiều lần, đã từ lâu. Khi vay, ông P, bà L và bà P không làm giấy tờ vay, chỉ thỏa thuận miệng với nhau, lãi suất thỏa thuận miệng là 1000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. Đến cuối năm 2011, bà P cộng cả gốc và lãi khoảng 20.000.000 đồng, ông P, bà L đã trả nợ một ít và còn nợ lại. Đến năm 2012, do điều kiện kinh tế khó khăn, ông P, bà L tiếp tục vay tiền của bà P. Khi vay, ông P, bà L và bà P không làm giấy tờ vay, chỉ thỏa thuận miệng với nhau, lãi suất thỏa thuận miệng như trên. Tổng số tiền vay cụ thể là bao nhiêu thì ông P, bà L không nhớ rõ. Đến năm 2013, ông P, bà L bán một phần diện tích đất và đem tiền ra trả toàn bộ số nợ gốc và lãi cho bà P với số tiền 190.000.000 đồng. Ông P, bà L tiếp tục vay số tiền 40.000.000 đồng và nhiều lần khác. Tổng số tiền vay là bao nhiêu thì ông P, bà L không nhớ rõ cụ thể. Mục đích vay là để đầu tư, chăm sóc vườn cây.

Từ 2014, vào cuối năm, ông P, bà L đem tiền ra trả cho bà P, bà P tính toán tiền nợ gốc và lãi, trừ đi số tiền mà ông P, bà L đã trả, còn bao nhiêu sẽ cho nợ lại, chốt lại số nợ. Tháng 5/2017, ông P, bà L trả nợ và chốt nợ với bà P là 265.000.000 đồng. Sau đó, ông P, bà L không tiếp tục vay thêm tiền của bà P. Năm 2019, bà P tính tổng tiền gốc và lãi là 393.000.000 đồng, ông P, bà L trả cho bà P 20.000.000 đồng, còn nợ lại 373.000.000 đồng. Đến ngày 30/4/2021, bà P tính tổng tiền gốc và lãi là hơn 400.000.000 đồng, tuy nhiên bà P chốt nợ tổng cộng là 400.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 0,1%/tháng, tương đương với 4.000.000 đồng/tháng, tiền lãi trả hàng tháng. Bà P cùng chồng là ông Phạm Văn Đ có làm “Giấy cầm vườn” và yêu cầu ông P, bà L điểm chỉ. Ông P, bà L đã trả cho bà P số tiền lãi 3.000.000 đồng/tháng, vào các tháng 6,7,8,9, tổng cộng số tiền lãi đã trả là 12.000.000 đồng.

Đến tháng 10/2021, khi ông P, bà L trả tiền lãi thì bà P không đồng ý nhận tiền, đòi lấy đất. Sau đó, ông P, bà L làm đơn đề nghị UBND xã Đ giải quyết tranh chấp nhưng không thành vì bà P yêu cầu trả toàn bộ số nợ trong một lần.

Bà Dương Mai P khởi kiện yêu cầu ông P, bà L trả số tiền vay 400.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận, ông P, bà L đồng ý trả. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn, ông P, bà L xin trả dần cho đến khi trả hết nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà P và bị đơn bà L trình bày do cách hiểu và ghi trong giấy là 0,1% nhưng thực tế lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng, tiền lãi hàng tháng là 4.000.000 đồng/tháng. Bà L thừa nhận đã trả lãi 11.000.000 đồng như bà P trình bày.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Dương Mai P khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Văn P, bà Phạm Thị L trả nợ gốc và lãi. Ông Hoàng Văn P, bà Phạm Thị L cư trú tại Thôn 10, xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập. Xét thấy, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về điều kiện khởi kiện: Hợp đồng vay tài sản được thể hiện trong “Giấy cầm vườn” ngày 30/4/2021, thời hạn vay là 01 năm, lãi trả hàng tháng. Tuy nhiên, ông P, bà L vi phạm nghĩa vụ trả lãi, nên bà P có quyền khởi kiện trước thời hạn trả nợ.

[3] Bị đơn ông Hoàng Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Hoàng Văn P.

[4] Căn cứ vào “Giấy cầm vườn” ký kết ngày 30/4/2021; căn cứ vào lời khai xác nhận của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ông Hoàng Văn P và bà Phạm Thị L vay của bà Dương Mai P số tiền 400.000.000 đồng vào ngày 30/4/2021, thời hạn vay là 01 năm, lãi suất 1%/tháng, trả lãi hàng tháng, các bên có lập giấy vay tiền do ông Phạm Văn Đăng (chồng của bà P) viết, ông P, bà L điểm chỉ, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi. Việc giao kết hợp đồng vay tiền giữa các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo các nguyên tắc và điều kiện của hợp đồng dân sự, nên hợp đồng này là hợp pháp và có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết. Bị đơn thừa nhận số nợ mà nguyên đơn đưa ra theo hợp đồng vay tài sản ghi trong “Giấy cầm vườn”, nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh được quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về lãi suất và tiền lãi:

Các bên đương sự thỏa thuận với nhau về lãi suất là 1%/tháng, mức lãi suất phù hợp quy định của pháp luật.

Tiền lãi được tính: Tiền lãi trên nợ gốc phải trả tính từ ngày 01/5/2021 đến ngày 30/9/2022: $400.000.000 \text{ đồng} \times 12\%/\text{năm} \times 16 \text{ tháng} = 64.000.000 \text{ đồng}$.

Về số tiền lãi đã trả: Tại phiên tòa, bà P và bà L đều thừa nhận tiền lãi bà L đã trả là 11.000.000 đồng. Do đó, có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét căn trừ vào số tiền lãi phải trả.

[6] Xét yêu cầu xin được trả dần của bị đơn ông P, bà L cho đến khi hết nợ. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà P không đồng ý cho bị đơn được trả dần nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông Hoàng Văn P, bà Phạm Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Dương Mai P số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi 53.000.000 đồng (Năm mươi ba triệu đồng).

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: 22.120.000 đồng, bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 92; các điều 147, 227, 228, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; các điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Mai P.

Buộc ông Hoàng Văn P, bà Phạm Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Dương Mai P số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền nợ lãi 53.000.000 đồng. Tổng cộng 453.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền nêu trên, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Hoàng Văn P, bà Phạm Thị L phải chịu 22.120.000 đồng (Hai mươi hai triệu một trăm hai mươi nghìn đồng).

Trả lại cho bà Dương Mai P số tiền 10.260.000 đồng (Mười triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006048 ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Thoại